

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 8 - 2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Bình

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 123/2024/TLST-HN&GD, ngày 28 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2024/QĐXXST-HN&GD, ngày 25 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 166/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 09/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tôn Nữ Thị H, sinh năm 1969. *Địa chỉ:* Số nhà 305, đường ĐT, thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Xuân Q, sinh năm 1966. *Địa chỉ:* Số nhà 305, đường ĐT, thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tôn Nữ Thị H trình bày: Bà và ông Lê Xuân Q đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ cũ (nay là UBND xã N), vào ngày 09/10/2008, số đăng ký kết hôn 17/2008, quyển số 01. Quá trình chung sống ông bà không hợp nhau nên hay cãi nhau nhiều lần. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông Q nữa, bà yêu cầu ly hôn ông Lê Xuân Q. Về án phí: Bà đồng ý chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn Lê Xuân Q trình bày: Ông và bà Tôn Nữ Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ cũ (nay là UBND xã N), vào 09/10/2008, số đăng ký kết hôn 17/2008, quyển số 01. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà Tôn Nữ Thị H có bất đồng quan điểm, hay cãi nhau nên nay ông đồng ý ly hôn với bà H. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản, nợ: Ông, bà không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau nhưng bị đơn không đến nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thẩm vấn và quá trình nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[3] Về thủ tục tố tụng: các đương sự có mặt đầy đủ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Tôn Nữ Thị H và ông Lê Xuân Q đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ cũ (nay là UBND xã N), vào 09/10/2008, số đăng ký kết hôn 17/2008, quyển số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống ông, bà đã không biết cách xây dựng hôn nhân ngày càng hạnh phúc, không biết lắng nghe, chia sẻ khó khăn cùng nhau nên đã làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Nay bà Tôn Nữ Thị H kiên quyết ly hôn ông Lê Xuân Q, ông Q cũng đồng ý ly hôn bà H. Nghĩ cuộc hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, có kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho các bên nên giải quyết cho bà H ly hôn ông Q là phù hợp.

Về con chung: Ông, bà không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà H là người yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hương:

- Bà Tôn Nữ Thị H ly hôn ông Lê Xuân Q.

2. Về án phí DSST:

Bà Tôn Nữ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004350, ngày 28 tháng 3 năm 2024. Bà H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (23/8/2024), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hay kể từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CC THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã N
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà